

**Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Thạnh
2. Ông Đỗ Vũ Ngọc Nam

Thư ký phiên toà: Bà **Mai Thị Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Chinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Cao Thị Kim D**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Tân Lý 2, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà D có mặt, ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Cao Thị Kim D có nội dung như sau:**

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L. Sau khi kết hôn, cuộc

sống chung vợ chồng bà và ông T không hạnh phúc. Nguyên nhân: Do ông T nghiện ma túy không lo làm ăn, trước đây ông T đã điều trị dùng thuốc cai nghiện tại thị xã L nhưng thời gian sau ông T vẫn sử dụng ma túy lại. Bà D đã khuyên ông T nhiều lần nhưng ông vẫn không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng bà thường xảy ra nhiều mâu thuẫn và hiện nay đã không còn sống chung 03 năm nay. Bà D nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông T nay đã không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung: Nguyễn Cao Đức T (Giới tính: Nam), sinh ngày 19/9/2018, hiện nay bà D đang nuôi con. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa làm việc. Cha ông T là ông Nguyễn Văn M có nộp cho Tòa án bản tự khai của ông T cụ thể: Ông T thừa nhận ông có sử dụng ma túy, công việc làm không đủ kinh tế nuôi vợ con nên vợ chồng đã ly thân 03 năm. Nay ông T đồng ý ly hôn với bà D. Ngoài ra, cha ông T còn nộp giấy chứng nhận nằm viện của ông T, hiện nay ông T đang điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh B.R-V. T với chẩn đoán bệnh: Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy và chất tác động tâm thần khác.

Theo kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của bà Cao Thị Kim D và ông Nguyễn Văn T từ ông Nguyễn Văn M – là cha ông Nguyễn Văn T cung cấp cụ thể: Sau khi vợ chồng T kết hôn thì ra thuê nhà trọ để ở. Cuộc sống chung giữa vợ chồng T thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà D không còn sống chung với T cách đây 03 năm, gia đình có khuyên bảo nhưng vợ chồng T vẫn không hàn gắn lại. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do T con ông bị nghiện ma túy cách đây 09 năm. Trước đây khi T chưa lập gia đình, ông có đưa T đi điều trị cai nghiện. Sau này về T vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Gia đình ông và D có khuyên bảo nhưng T vẫn không từ bỏ ma túy. Hiện nay, gia đình ông đưa T đến Bệnh viện tâm thần ở B.R – V. T để điều trị. Việc D yêu cầu ly hôn với T thì gia đình ông cũng thống nhất, yêu cầu Tòa án giải quyết cho D được ly hôn với T. Hiện nay D đang nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử;

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim D là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, cho bà D được ly hôn ông T; Về con chung: Giao cho bà Cao Thị Kim D được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Nguyễn Cao Đức T, sinh ngày 19/9/2018; Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Bà D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Xét yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị Kim D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại khu phố 8, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Cao Thị Kim D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 184 ngày 28/11/2018, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp kể từ khi đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bà D vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông T vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông T không đến Tòa làm việc, nhưng ông có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án là ông đồng ý ly hôn bà D và tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt không lý do.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà D, ông T thì không còn sống chung cách đây 03 năm, hiện nay mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống nữa. Xét thấy: Giữa bà D và ông T đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, qua xác minh tình trạng hôn nhân từ cha ông T thì cuộc sống chung của bà D và ông T sống chung có xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị

Kim D là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về con chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà D yêu cầu được nuôi con chung, xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của cháu: Nguyễn Cao Đức T đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, việc học hành và tinh thần của cháu. Hơn nữa, ông T hiện nay đang điều trị bệnh vì vậy nên giao cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Nguyễn Cao Đức T (Giới tính: Nam), sinh ngày 19/9/2018 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, nhưng bà D không yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Cao Thị Kim D được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Cao Thị Kim D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Nguyễn Cao Đức T (Giới tính: Nam), sinh ngày 19/9/2018.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Cao Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về lý hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016567 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho bà D biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/8/2023). Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND p. Bình Tân;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn